

Bản án số: 49/2025/LĐ-PT
Ngày: 23/5/2025
V/v Tranh chấp về chấm dứt hợp
đồng lao động, bồi thường tiền
lương và bảo hiểm xã hội do tái cơ
cấu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Tâm Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 29/2025/TLPT-LĐ ngày 06 tháng 03 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường tiền lương và bảo hiểm xã hội do tái cơ cấu”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 28/2024/LĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1792/2025/QĐPT-LĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5880/2025/QĐPT-LĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A đường B, Phường X, quận B, Thành phố H. (có mặt)

- **Bị đơn:** Công ty **TNHH M**; Địa chỉ: Số B đường Q, Phường H, quận G, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Gerd B** – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Hồng Minh T1**, sinh năm 1991; bà **Võ Thị Hạnh T2**, sinh năm 1978 và bà **Trần Thị Lan A**, sinh năm 1986. Cùng địa chỉ: Số B đường Q, Phường H, quận G, Thành phố H. (bà T1, bà T2 có mặt, bà Lan A vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* ông **Nguyễn Xuân T**, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2024; bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ngày 22/02/2011, ông Nguyễn Xuân T có hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 20110063 với Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là Công ty). Vào ngày 19/04/2024, ông T có nhận Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu về việc có yếu tố chủ quan trong quá trình xây dựng phương án sử dụng lao động trong việc tái cấu trúc của Công ty. Trong Quyết định này Công ty không chỉ ra tiêu chí cụ thể đánh giá nhân viên để cắt giảm khi Công ty thực hiện việc tái cấu trúc. Công ty trả lời: "...đây là lựa chọn ngẫu nhiên theo nguyên tắc giảm khối lượng sản xuất trên mỗi trạm, trên mỗi chuyên nhằm đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất phù hợp, bền vững mà không nhắm đến cá nhân nhân viên cụ thể". Câu trả lời này không khách quan, công bằng, minh bạch khi tại sao người bị cắt giảm là ông trong khi ông đã hoàn thành các công việc đã ký trong hợp đồng lao động với Công ty. Khi Công ty gặp khó khăn ông đã chia sẻ với Công ty như: Giảm lương, ghi nợ 200 giờ công. Ông T cho rằng Công ty có động cơ để cắt giảm ông là do Công ty không đạt được sự đồng thuận từ ông để tạo ra lợi ích một phía cho Công ty như trong nội dung của Biên bản họp ngày 01/11/2023. Theo như Biên bản hòa giải không thành vào ngày 16/05/2024 tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận G. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Yêu cầu Tòa án xem xét việc tuyên vô hiệu Quyết định kết thúc hợp đồng lao động số 0058/MBV-2024 để ông T có thể tiếp tục công việc theo như hợp đồng lao động số 20110063 với Công ty;

- Yêu cầu Tòa án xem xét việc buộc Công ty bồi thường những tháng tiền lương và chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp mà ông T không được hưởng do Quyết định kết thúc hợp đồng lao động số 0058/MBV-2024 gây ra. Số tiền từng loại như sau: Lương tháng: 16.546.000 đồng, Bảo hiểm (phần Công ty đóng): 3.557.390 đồng, Tổng số tiền yêu cầu bồi thường tạm tính đến nay là $(16.546.000 \text{ đồng} + 3.557.390 \text{ đồng}) \times 1,5 \text{ tháng} = 30.155.085 \text{ đồng}$.

Đại diện Công ty TNHH M trình bày tại bản tự khai ngày 30/6/2024:

Do tình hình sụt giảm doanh số nghiêm trọng từ năm 2023 với tổng lượng xe bán ra 10 tháng đầu năm thấp hơn 67.8% so với doanh số cùng kỳ năm ngoái dẫn đến giá trị tồn kho lên đến 7.48 ngàn tỷ đồng và tình hình dòng tiền cực kỳ khó khăn nhất trong lịch sử hoạt động của Công ty. Lần đầu tiên trong nhiều năm hoạt động tại Việt Nam, Công ty phải vay ngân hàng với hạn mức cao để có thể thanh toán thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, một phần khoản thanh toán quá hạn, lương người lao động, chi chí vận hành, kho bãi. Dù đã phải áp dụng biện pháp thắt chặt chi phí lên mức nghiêm ngặt nhất, tiết kiệm chi phí tối đa với tất cả các phòng ban, cũng như triển khai áp dụng tạm ngừng việc, đóng cửa nhà

máy trong nhiều tháng tình hình thị trường tiếp tục diễn biến xấu và không có dấu hiệu hồi phục kinh doanh. Chính vì thế Công ty buộc phải xem xét và điều chỉnh lại kế hoạch sản xuất, chiến lược kinh doanh để phù hợp và tình hình thay đổi xấu của thị trường dẫn đến phải tinh giảm số lượng lao động sản xuất. Công ty quyết định tiến hành quy trình việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động "Tái cấu trúc" theo Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2019. Công ty đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam để cho thôi việc người lao động dôi dư vì lý do tái cấu trúc, bao gồm có thông báo gửi cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố H trước khi có thông báo đến người lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn xác định Công ty đã chấm dứt Hợp đồng lao động hợp pháp với ông T hoàn toàn tuân thủ theo quy định pháp luật, do đó, Công ty đề nghị Tòa án xem xét và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Công ty không thể nhận lại ông T hay bất kỳ người lao động nào khác trong danh sách dôi dư vì tình hình khó khăn vẫn còn tiếp diễn và Công ty cũng đã phải đưa ra thêm các quyết định khó khăn khác về lao động.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 28/2024/LĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Căn cứ vào Điều 5, điểm a, b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 90, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Không chấp nhận Quyết định kết thúc hợp đồng lao động số 0058/MBV-2024 ngày 27/02/2024 vô hiệu và Công ty không thể nhận ông T tiếp tục công việc theo như hợp đồng lao động số 20110063 ngày 02/02/2011 với Công ty TNHH M.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân T yêu cầu Công ty TNHH M bồi thường những tháng tiền lương và chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp mà ông T không được hưởng do Quyết định kết thúc hợp đồng lao động số 0058/MBV-2024 gây ra là 30.155.085 đồng.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân T phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 1.204.652 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 02/01/2025, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày: Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do: Cấp sơ thẩm chưa đánh giá về chứng cứ là Biên bản họp ngày 01/11/2023 có mâu thuẫn lợi ích của ông, Công ty đã lựa chọn ngẫu nhiên để cắt giảm ông để bảo vệ lợi ích cho Công ty và có chủ đích. Ông căn cứ vào sự công bằng trong xã hội, sự công bằng được quy định tại Điều 3 Hiến pháp 2013. Do Cấp sơ thẩm hồ sơ không có Biên bản phiên tòa khi xét xử sơ thẩm ngày 19/12/2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 653/2024/QĐXX-LĐ ngày 25/11/2024 xác định sai quan hệ tranh chấp, đánh giá chứng cứ không đúng, không đánh giá về sự lựa chọn ngẫu nhiên mà Công ty đã thực hiện, việc Công ty chấm dứt Hợp đồng lao động với ông không đảm bảo sự công bằng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn Công ty TNHH M có bà Nguyễn Hồng Minh T1 và bà Võ Thị Hạnh T2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông T do thay đổi cơ cấu, tái cấu trúc lại doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật. Công ty không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật Lao động năm 2019, xét thấy: Cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội do thay đổi cơ

cầu” và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

Việc Cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 653/2024/QĐXX-LĐ ngày 25/11/2024 với quan hệ “tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội” là thiếu kiểm tra và không đúng với quan hệ pháp luật đã được xác định. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[1.3] Về áp dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp: Trên cơ sở nguyên đơn và bị đơn giao kết, thực hiện Hợp đồng lao động được hai bên thỏa thuận ký kết ngày 22/02/2011 và chấm dứt vào ngày 31/3/2024, Cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Lao động năm 2019 để giải quyết tranh chấp là phù hợp.

[1.4] Về điều kiện khởi kiện: Do quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp về đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019, tranh chấp của các đương sự không bắt buộc phải thông qua thủ tục hòa giải lao động của hòa giải viên lao động. Cấp sơ thẩm xem xét biên bản hòa giải không thành về tranh chấp lao động ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội quận G xác định nguyên đơn đủ kiện nộp đơn khởi kiện và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 và Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2019 trong vụ án này là không cần thiết.

[1.5] Cấp sơ thẩm yêu cầu ông T cung cấp tài liệu chứng cứ theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 1402/2024/QĐ-CCTLCC ngày 08/10/2024, Tòa án yêu cầu ông T cung cấp chứng cứ chứng minh cho Quyết định kết thúc hợp đồng số 0058/MBV-2024 ngày 27/02/2024 của Công ty TNHH M là vô hiệu là chưa chính xác. Đây là vụ án lao động, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015: *“b) Đương sự là người lao động trong vụ án lao động mà không cung cấp, giao nộp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ vì lý do tài liệu, chứng cứ đó đang do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ thì người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ đó cho Tòa án. Người lao động khởi kiện vụ án đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thuộc trường hợp người sử dụng lao động không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc trường hợp không được xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về người sử dụng lao động;”*. Cấp sơ thẩm cần áp dụng đúng quy định.

[1.6] Đối với ý kiến của nguyên đơn về việc Cấp sơ thẩm không có Biên bản phiên tòa khi xét xử sơ thẩm ngày 19/12/2024 là không đúng. Kiểm tra hồ sơ vụ án thì tài liệu Biên bản phiên tòa ngày 19/12/2024 được đánh bút lục từ số 242 đến số 248.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ lao động:

Cấp sơ thẩm căn cứ Hợp đồng lao động số 20110063 được ký giữa ông Nguyễn Xuân T và Công ty TNHH M vào ngày 22/02/2011 xác định quan hệ lao động giữa hai bên được thực hiện theo loại hợp đồng không xác định thời hạn, phù hợp với quy định tại Điều 13 Bộ luật Lao động năm 2019. Do tái cơ cấu doanh nghiệp nên Công ty đã ban hành Thông báo ngày 27/02/2024 và Quyết định kết thúc hợp đồng số 0058/MBV-2024 ngày 27/02/2024 chấm dứt hợp đồng lao động với ông T kể từ ngày 31/3/2024.

[2.2] Lý do thay đổi: Tổng lượng xe bán ra trong 10 tháng đầu năm 2023 của Công ty thấp hơn 67.8% so với cùng kỳ năm 2022, tương ứng hàng tồn kho gần 7,48 ngàn tỷ đồng. Để duy trì hoạt động ổn định và khắc phục tình trạng trên cũng như phương châm luôn duy trì việc làm và thu nhập cho nhân viên ở mức cao nhất có thể, từ tháng 9 năm 2023, Công ty đã phải áp dụng biện pháp thắt chặt chi phí lên mức nghiêm ngặt nhất, tiết kiệm chi phí tối đa với tất cả các phòng ban và hoạt động trong Công ty. Công ty đã phải thực hiện nhiều phương án sắp xếp lại lao động nhằm bảo đảm việc làm cho người lao động tại Công ty, triển khai chính sách tối ưu hóa, tinh giảm lao động, ngừng tuyển thêm nhân viên từ năm 2022 đối với các vị trí có thể thay thế được từ nguồn nhân viên nội bộ. Công ty đã phải triển khai áp dụng tạm ngừng việc đối với người lao động với mức lương ngừng việc trả cho người lao động cao hơn yêu cầu của pháp luật. Tiếp đến, Công ty đã buộc phải đóng cửa nhà máy trong 03 tháng sau Tết Giáp Thìn mà vẫn trả lương ngừng việc và lương làm việc theo mô hình làm việc linh hoạt cho người lao động với mức 80%. Tuy nhiên, tình hình thị trường tiếp tục diễn biến xấu và không có dấu hiệu hồi phục kinh doanh, Công ty vẫn gặp khó khăn trong doanh số bán hàng, tăng lượng tồn kho và tác động nghiêm trọng đến tình hình tài chính của Công ty.

[2.3] Về quá trình thực hiện thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động của Công ty:

Ngày 24/11/2023, Hội đồng thành viên Công ty đã họp thông qua Quyết định của Công ty về kế hoạch điều chỉnh sản xuất và bán hàng dẫn đến việc tái cơ cấu và tổ chức lại lao động. Ngày 26/12/2023, Tổng Giám đốc (TGD) ban hành Quyết định số 2612/2023/QĐ-TGD về việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động (gọi tắt Tái cấu trúc) dựa trên nội dung cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 24/11/2023.

Ngày 29/12/2023, Công ty thông báo tình hình hoạt động kinh doanh và quyết định về tái cấu trúc đến nhân viên Công ty (bằng hình thức thư điện tử). Ngày 02/01/2024, Công ty gửi dự thảo phương án sử dụng lao động (PASDLĐ) đến Ban chấp hành công đoàn (BCHCD) và đại diện người lao động tham khảo (bằng hình thức thư điện tử).

Ngày 04/01/2024, Công ty đối thoại với BCHCD và nhóm đại diện đối thoại của người lao động. Ngày 11/01/2024, Công ty cùng BCHCD tiến hành công khai Biên bản đối thoại ngày 04/01/2024 bằng hình thức niêm yết trên bảng thông báo tại trụ sở. Từ ngày 11 đến ngày 17/01/2024, BCHCD và các tổ

Công đoàn lấy ý kiến từ các thành viên về PASDLĐ và việc cho người lao động nghỉ việc vì lý do Tái cấu trúc.

Ngày 18/01/2024, Công ty hợp đưa ra đề xuất thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động với người lao động dôi dư. Ngày 24/01/2024, Công ty tiếp xúc các nhân viên không đồng ý với hình thức thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động và đề xuất người lao động cân nhắc, suy nghĩ kỹ khi đưa ra quyết định.

Ngày 26/01/2024, Công ty điều chỉnh dự thảo PASDLĐ và gửi BCHCD. Ngày 29/01/2024, Công ty họp với BCHCD để thông báo các điều chỉnh dự thảo PASDLĐ và giải đáp các thắc mắc của BCHCD về dự thảo PASDLĐ.

Ngày 30/01/2024, Công ty họp với BCHCD để thảo luận lần 2 với 02 nội dung (liên quan dự thảo PASDLĐ và cho thôi việc đối với những người lao động dôi dư khi thực hiện PASDLĐ) và tiến hành công khai Biên bản cuộc họp ngày 30/01/2024 bằng hình thức niêm yết trên bảng thông báo tại trụ sở chính Công ty.

Ngày 31/01/2024, TGD ban hành thông báo gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc cho người lao động thôi việc. Ngày 01/02/2024, Công ty nộp hồ sơ Thông báo ngày 31/01/2024 đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc cho người lao động thôi việc (liên quan việc thực hiện Tái cấu trúc).

Ngày 07/02/2024, Công ty nhận được Công văn số 2938/SLĐTBXH-LĐ ngày 07/02/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc phương án sử dụng lao động.

Ngày 29/02/2024, Công ty thông báo và gửi thông báo cho 12/14 người lao động dôi dư nghỉ việc (trong đó có ông Nguyễn Xuân T). Công ty giữ lại 02/14 lao động dôi dư vì: Ông Nguyễn Thế A1 đang có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi và bà Hồ Thị Yến L (Bộ phận Dịch vụ Khách hàng – Phòng Hậu mãi) được điều chuyển làm công việc tư vấn kinh doanh và tiếp thị.

Như vậy, Công ty đã thực hiện đúng quy định tại Điều 42, Điều 44 Bộ luật Lao động năm 2019 khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp cơ cấu tổ chức lại doanh nghiệp.

[2.4] Do đó, Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu Quyết định kết thúc hợp đồng lao động số 0058/MBV-2024 ngày 27/02/2024 của Công ty TNHH M là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2.5] Do Công ty TNHH M không đồng ý nhận ông T trở lại làm việc, Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty nhận ông T tiếp tục công việc theo như hợp đồng lao động số 20110063 ngày 02/02/2011 là có căn cứ.

[2.6] Do Công ty TNHH M đã thực hiện đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp cơ cấu tổ chức lại doanh nghiệp đúng quy định tại Điều 42, Điều 44 Bộ luật Lao động năm 2019. Cấp sơ thẩm không chấp nhận

yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH M bồi thường những tháng tiền lương và chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp mà ông T không được hưởng do Quyết định kết thúc hợp đồng lao động số 0058/MBV-2024 ngày 27/02/2024 gây ra là 30.155.085 đồng là có phù hợp.

[2.7] Nguyên đơn không có tranh chấp về tiền lương nhưng Cấp sơ thẩm căn cứ Điều 90, Điều 94 và Điều 95 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định người sử dụng lao động phải trả lương đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa ông T thừa nhận đã nhận đủ lương và các chế độ khác mà Công ty đã trả đến hết ngày 31/3/2024 là chưa chính xác. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì người lao động được miễn án phí.

- Theo Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn phải có đơn yêu cầu miễn án phí.

Cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 1.204.652 đồng là đúng quy định.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về án phí, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 28/2024/LĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 5, điểm a, b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn Điều 13, Điều 42, Điều 46 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

- Tuyên vô hiệu Quyết định kết thúc hợp đồng lao động số 0058/MBV-2024 ngày 27/02/2024 của Công ty TNHH M.

- Buộc Công ty TNHH M nhận ông Nguyễn Xuân T tiếp tục công việc theo như Hợp đồng lao động số 20110063 đã ký ngày 02/02/2011 với Công ty TNHH M.

- Yêu cầu Công ty TNHH M bồi thường những tháng tiền lương và chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp mà ông T không được hưởng do Quyết định kết thúc hợp đồng lao động số 0058/MBV-2024 ngày 27/02/2024 gây ra là 30.155.085 đồng.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân T phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 1.204.652 (Một triệu hai trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm năm mươi hai) đồng.

3. Án phí lao động phúc thẩm: Người kháng cáo ông Nguyễn Xuân T không phải chịu án phí lao động phúc thẩm là 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0057158 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Xuân T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Gò Vấp;
- Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài